

Bản án số: 26 /2019/DS-ST

Ngày: 14/8/2019

Về vụ: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hoan.

* *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tiên và ông Mai Xuân Tin.

* *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án TAND huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14/8/2019, tại trụ sở TAND huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Chính sách xã hội V
- 2. Địa chỉ:** Tòa nhà A, khu L, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Phan H – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Phú Yên, theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ- NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng Chính sách xã hội V “V/V ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án”. Ủy quyền cho bà Nguyễn N – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Phú Yên, theo giấy ủy quyền ngày 02/7/2019.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện H, tỉnh Phú Yên.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Q - sinh năm: 1964, bà Trần H, sinh năm: 1967; cùng địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đ, sinh năm: 1988, chị Nguyễn T, sinh năm: 1991; cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện H, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phan H và đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn N trình bày:*

Theo giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn nguyên đơn có cho bị đơn ông Nguyễn Q, bà Trần H vay hai khoản, lần thứ nhất vào ngày 13/5/2011 vay 34.400.000đ theo chương trình học sinh, sinh viên, với lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,84%/tháng, thời hạn vay và gia hạn trả đến ngày 13/10/2018; lần hai vào ngày 02/7/2014 vay theo chương trình hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000đ với lãi suất 0,72%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,93%/tháng, thời hạn vay và gia hạn trả đến ngày 13/12/2018.

Đến nay đã quá hạn thời gian trả nợ theo hợp đồng, nhưng ông Q, bà H không trả, Ngân hàng đã đòi nợ nhiều lần nhưng bị đơn không chịu thanh toán. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H phải trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 14/8/2019 tổng hai khoản vay là 86.261.775đ (trong đó, nợ gốc là 64.400.000đ, nợ lãi tính đến ngày 14/8/2019 là 21.861.775đ) và lãi phát sinh sau ngày 14/8/2019. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Trần H trình bày:*

Bà Trần H thừa nhận vợ chồng bà và ông Q có vay của Ngân hàng chính sách xã hội V – phòng giao dịch huyện H số tiền gốc cho hai lần vay 64.400.000đ và hiện nay còn nợ 85.600.913đ (trong đó, nợ gốc là 64.400.000đ, nợ lãi tính đến ngày 02/7/2019 là 21.200.913đ) như trình bày của đại diện Ngân hàng là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H trả số tiền vay còn nợ, bà H thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ và chấp nhận trả, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đ, chị Nguyễn T: Tòa đã thông báo triệu tập nhưng không đến tòa, nên không lấy được lời khai.

TAND huyện Đông Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì vợ chồng ông Q, bà H có vay ngân hàng và còn nợ đến ngày 14/8/2019 số tiền là 86.261.775 đ (trong đó, nợ gốc là 64.400.000đ, nợ lãi tính đến ngày 14/8/2019 là 21.861.775đ). Do đó, việc ngân hàng yêu cầu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đ, chị Nguyễn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung: Vào ngày 13/5/2011 và ngày 02/7/2014, giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Q, bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản. Theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng ông Q, bà H vay 34.400.000đ theo chương trình học sinh, sinh viên với lãi 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,84%/tháng, ngày đến hạn cuối cùng trả ngày 13/10/2018; lần hai vay theo chương trình hộ cận nghèo số tiền 30.000.000đ lãi suất 0,72%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,93%/tháng, ngày đến hạn cuối cùng trả ngày 13/12/2018. Đến nay đã quá hạn nhưng vợ chồng bà H, ông Q không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 14/08/2019, vợ chồng bà H, ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền 86.261.775đ (trong đó, nợ gốc là 64.400.000đ, nợ lãi tính đến ngày 14/8/2019 là 21.861.775đ) và lãi phát sinh sau ngày 14/8/2019; đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ vốn gốc và lãi còn nợ, nhưng bị đơn đưa ra hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả dần số tiền vay mỗi tháng 2.000.000đ bắt đầu tháng 7/2019 cho đến khi hết nợ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ và chị T không đến tòa, nên không lấy được lời để xem xét giải quyết.

[2]. Xét việc bị đơn đã nợ số tiền trên của nguyên đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn đã tạo điều kiện nhiều lần đến nhà làm việc với bị đơn để yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả. Việc bị đơn đưa ra hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mà không có chứng cứ gì chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ trên là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà H, ông Q phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền là 86.261.775đ (trong đó, nợ gốc là 64.400.000đ, nợ lãi tính đến ngày 14/8/2019 là 21.861.775đ) và lãi phát sinh sau ngày 14/8/2019.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bị đơn ông Nguyễn Q, bà Trần H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V phòng giao dịch huyện H tổng số tiền 86.261.775đ làm tròn 86.261.500đ (*Tám mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, năm*

trăm đồng) (trong đó, nợ gốc là 64.400.000đ, nợ lãi tính đến ngày 14/8/2019 là 21.861.775đ) và lãi phát sinh sau ngày 14/8/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H, ông Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H, ông Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần H phải chịu 4.313.000đ (Bốn triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, THADS huyện Đông Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoan

